

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo,
ngày 28/01/2026

ĐIỀU LỆ
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg
ngày ... tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp, được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức, cá nhân khác tự nguyện tham gia; thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên, hộ gia đình, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

- a) Tên tiếng Việt: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
b) Tên tiếng Anh: Vietnam Cooperative Alliance. Tên viết tắt tiếng Anh là VCA.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có biểu tượng riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp, đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động liên quan đến kinh tế tập thể, tự nguyện tham gia (sau đây gọi chung là thành viên); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành

viên và tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không phải là thành viên; được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước theo đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với thành phần kinh tế tập thể, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo pháp luật Việt Nam và Điều lệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đặt tại thành phố Hà Nội. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được lập văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước về lĩnh vực kinh tế tập thể.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; là thành viên Liên minh Hợp tác xã Quốc tế (ICA), Liên minh Hợp tác xã khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (ICA-AP), Tổ chức Hợp tác Nông dân Châu Á (AFGC); được gia nhập làm thành viên của các tổ chức tương ứng trong khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.

3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động dưới sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thống nhất mục tiêu và hành động.

3. Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Đảng, Nhà nước giao, bao gồm hỗ trợ kinh phí thường xuyên, bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện các hoạt động kinh tế nhưng không vì mục đích lợi nhuận. Hợp tác và liên kết vì sự phát triển bền vững của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cộng đồng.

5. Tuân thủ pháp luật, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên.
2. Tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động thực hiện các chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
3. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
4. Thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công được giao hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
5. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
6. Đại diện cho các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp với các tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn, hỗ trợ nhằm tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong vận hành và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
8. Đánh giá hiệu quả và đóng góp kinh tế, xã hội, văn hóa từ hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên.
9. Thực hiện nhiệm vụ khác được Đảng, Nhà nước giao.

Điều 7. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động theo Điều lệ; được cung cấp thông tin, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
3. Đại diện cho thành viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và thành viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các thành viên vì lợi ích chung.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho thành viên; cung cấp thông tin cần

thiết cho thành viên theo quy định của pháp luật.

7. Được Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng chủ trì hoặc tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; được giao thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công phù hợp với lĩnh vực hoạt động; tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

8. Được đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và văn phòng đại diện tại nước ngoài theo quy định pháp luật.

9. Thành lập và quản lý tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động.

10. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển và lĩnh vực hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

12. Thu hội phí của thành viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

13. Được tổ chức hoạt động kinh tế không vì mục đích lợi nhuận; tiếp nhận nguồn lực hợp pháp trong nước và ngoài nước gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định; tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và một số cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

14. Được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Thủ tướng Chính phủ thay mặt Đảng và Nhà nước giao theo đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm hỗ trợ thường xuyên, bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động theo quy định pháp luật; bảo đảm công khai, quyết toán, kiểm tra/kiểm toán theo quy định.

15. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

16. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

17. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

18. Được Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện thực hiện các hoạt động được giao và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ và trách nhiệm

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động và Điều lệ. Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các pháp nhân trực thuộc; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng.

2. Không được lợi dụng hoạt động để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể theo quy định pháp luật về hội và phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các thành viên vì lợi ích chung và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động. Phát triển, tập hợp, đoàn kết thành viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, các tầng lớp Nhân dân. Đại diện cho các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp với các tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn, hỗ trợ nhằm tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong vận hành và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thực hiện ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại của các bộ, ngành, địa phương.

6. Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động thành viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; điều lệ, quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới thành viên; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội; thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công được giao hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

7. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định làm cơ sở tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Đánh giá hiệu quả và đóng góp kinh tế, văn hóa, xã hội từ hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội theo quy định. Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm và Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường. Xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm, xác định rõ chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ, xin ý kiến theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định và cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức, pháp nhân trực thuộc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

12. Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và báo

cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở danh sách thành viên, tổ chức trực thuộc, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra theo quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan quản lý.

16. Kinh phí thu được từ hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động; từ nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; kinh phí được Nhà nước hỗ trợ đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phải dành cho hoạt động theo quy định của Điều lệ, không được chia cho thành viên.

17. Việc sử dụng kinh phí phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hằng năm, báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập.

18. Ban hành các quy chế: Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính; thi đua, khen thưởng, kỷ luật; quản lý thành viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; quản lý và sử dụng con dấu và các quy chế, quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức, ứng xử trong hoạt động.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố.

22. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

THÀNH VIÊN

Điều 9. Thành viên, tiêu chuẩn thành viên

1. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm thành viên chính thức, thành viên liên kết và thành viên danh dự.

a) Thành viên chính thức là các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức xã hội nghề nghiệp đại diện các hợp tác xã theo lĩnh vực, ngành nghề, các tổ chức kinh tế liên quan đến kinh tế tập thể có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ, tự nguyện có đơn xin gia nhập, được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xem xét, công nhận là thành viên chính thức. Khuyến khích tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp khác tham gia là thành viên chính thức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

b) Thành viên liên kết là các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tán thành Điều lệ, tự nguyện có đơn xin gia nhập, được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xem xét, công nhận là thành viên liên kết;

c) Thành viên danh dự là công dân, tổ chức trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có tâm huyết, uy tín, kinh nghiệm, ảnh hưởng tích cực và có đóng góp xây dựng vì sự phát triển của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tán thành Điều lệ, tự nguyện có đơn xin gia nhập, được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xem xét, công nhận là thành viên danh dự hoặc mời làm thành viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện và thủ tục gia nhập thành viên do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy định, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Định kỳ hằng năm, Tổng Thư ký báo cáo Ban Chấp hành về thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 10. Quyền của thành viên

1. Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; được tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã Việt

Nam tổ chức; được phổ biến chính sách, pháp luật, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy chế; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Được tham gia vào hoạt động kinh tế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo chương trình, kế hoạch, dự án được phê duyệt, hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định; được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, đào tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại của các bộ, ngành, địa phương.

5. Được bầu dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định.

6. Được giới thiệu thành viên mới.

7. Được khen thưởng theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

8. Được thôi tham gia thành viên Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khi xét thấy không thể hoặc không đủ điều kiện tiếp tục là thành viên.

9. Thành viên liên kết, thành viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như thành viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 11. Nghĩa vụ của thành viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, Nghị quyết và các quyết định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; đoàn kết, hợp tác với các thành viên khác để thực hiện mục tiêu và lợi ích chung, xây dựng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; không được nhân danh Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, trừ khi được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ủy quyền, phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, thông tin theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Thành viên có trách nhiệm đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm đóng hội phí cho Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm đóng hội phí cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

6. Tham gia phổ biến, tuyên truyền, vận động thành viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; điều lệ, quy chế, quyết định, quy định liên quan; vận động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

7. Tích cực đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và thành viên; tích cực nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ và đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bản thân và hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 12. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp thành viên, thủ tục thôi là thành viên

Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành Quy chế quy định về thủ tục, thẩm quyền kết nạp thành viên; thủ tục thôi là thành viên phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

2. Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được thành lập ở trung ương và Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thông qua và do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính và

các sở, ngành khác có liên quan về lĩnh vực hoạt động theo quy định pháp luật; chịu sự hướng dẫn và điều phối thống nhất của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án và chức năng, nhiệm vụ được giao; báo cáo cấp có thẩm quyền tại tỉnh và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định.

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Thường trực.
6. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.
7. Tổng Thư ký.
8. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 15. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

d) Thông qua Điều lệ hoặc thảo luận đổi tên (nếu có), thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra;

- e) Bầu Ban Chấp hành;
- g) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ (nếu có);
- h) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành, trừ quy định tại khoản 1 Điều 31 Điều lệ này.

Điều 16. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là cơ quan lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội bầu trong số các thành viên chính thức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội; quyết định những vấn đề, nhiệm vụ mang tính chiến lược, trọng tâm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra, Phó trưởng Ban Kiểm tra;

d) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; quyết định chủ trương các dự án đầu tư công; quy chế quản lý đầu tư, mua sắm, quản lý dự án theo quy định pháp luật; quyết định chủ trương đầu tư, dự án trong phạm vi thẩm quyền pháp luật cho phép và được cấp có thẩm quyền giao; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, trừ quy định quản lý, sử dụng tài chính, tài sản từ các hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do ban Thường vụ quy định; quy chế thi đua, khen thưởng; quy chế quản lý thành viên; quy chế quản lý, sử dụng con dấu; quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, các quy chế và quy định khác trong nội bộ phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

e) Xây dựng đề án nhân sự Đại hội, dự kiến cụ thể số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Trưởng Ban Kiểm tra, Phó trưởng Ban Kiểm tra;

g) Miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, uỷ viên Ban Thường vụ, uỷ viên Ban Chấp hành; Trưởng ban, Phó trưởng Ban, uỷ viên Ban Kiểm tra;

h) Bầu bổ sung Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, uỷ viên Ban Thường vụ, uỷ viên Ban Chấp hành; Trưởng ban, Phó trưởng Ban, uỷ viên Ban Kiểm tra. Số uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả uỷ viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua. Việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch và Phó Chủ tịch và các chức danh khác (nếu cần) phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện;

i) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành;

j) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có đề nghị của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thay mặt Ban Thường vụ triệu tập cuộc họp Ban Chấp hành theo nghị quyết Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành được triệu tập tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do hội nghị Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành được triệu tập biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang

nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành.

Điều 17. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các uỷ viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; quyết định những vấn đề cụ thể theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Thực hiện công tác quy hoạch Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng thư ký, Trưởng ban và các Phó trưởng Ban Kiểm tra theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ, báo cáo Ban Chấp hành tại kỳ họp gần nhất;

d) Quyết định về công tác tổ chức, cán bộ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam từ các hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng ban, Phó trưởng ban, Trưởng và Phó các pháp nhân trực thuộc;

g) Phân công nhiệm vụ uỷ viên Ban Chấp hành, uỷ viên Ban Thường vụ;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác Ban Chấp hành uỷ quyền; báo cáo Ban Chấp hành tại kỳ họp gần nhất;

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Chủ tịch quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ có mặt tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do hội nghị Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ được triệu tập biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản theo Quy chế làm việc của Ban Thường vụ.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, các Phó trưởng ban và một số uỷ viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong hoạt động của các tổ chức trực thuộc, thành viên; kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (trừ kinh phí ngân sách nhà nước cấp);

b) Hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, đôn đốc, tiếp nhận và tổng hợp báo cáo công tác của Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh; phân công, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh để thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành;

c) Giải quyết, đề xuất, kiến nghị giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

d) Thực hiện hỗ trợ pháp lý; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và đề xuất của Ban Kiểm tra;

e) Kiến nghị với Ban Chấp hành các hình thức kỷ luật đối với tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Chấp hành khi có sai phạm;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giao.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ; Ban Kiểm tra họp 06 tháng một lần, có thể họp bất thường khi có đề nghị của Trưởng Ban Kiểm tra hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra. Ban Kiểm tra có thể tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Trưởng Ban Kiểm tra quyết định;

b) Các nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra được triệu tập biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm tra;

c) Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

4. Đề xuất Ban Chấp hành bầu bổ sung Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên Ban Kiểm tra theo quy định.

5. Chế độ phụ cấp, công tác phí và các chế độ khác (nếu có) của ủy viên Ban Kiểm tra được hưởng như ủy viên Ban Chấp hành.

Điều 19. Thường trực

1. Thường trực gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch chuyên trách.

2. Thường trực là cơ quan điều hành công việc hằng ngày của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Chủ tịch chỉ đạo thực hiện và phân công nhiệm vụ các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch điều hành công việc hằng ngày.

3. Thường trực hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực

a) Điều hành, giải quyết công việc hằng ngày, thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và vấn đề phát sinh đột xuất thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giữa hai kỳ họp. Nội dung điều hành, giải quyết công

việc hằng ngày, thường xuyên theo ý kiến của Chủ tịch Liên minh; báo cáo Ban Thường vụ tại kỳ họp gần nhất.

b) Giúp Ban Thường vụ triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Thường vụ;

d) Tham gia ý kiến thống nhất những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam nhưng Chủ tịch thấy cần thiết phải đưa ra thảo luận trước khi quyết định;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ủy quyền theo quy chế làm việc.

Điều 20. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch là người đứng đầu, đại diện pháp luật của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; là người đứng đầu và chủ tài khoản Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Thủ trưởng Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Chủ tịch chịu trách nhiệm trước pháp luật, chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Đảng ủy Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Chủ tịch chỉ đạo, điều hành hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Điều lệ, nghị quyết Đại hội, các nghị quyết, quyết định, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 tổ chức hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến Chủ tịch là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Các điều kiện khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch:

a) Điều hành, giải quyết công việc hằng ngày, thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

Quyết định, có ý kiến kết luận việc điều hành, giải quyết công việc hằng ngày, thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các vấn đề phát sinh đột xuất thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giữa hai kỳ họp. Điều hành, giải quyết công việc hằng ngày, thường xuyên của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các vấn đề phát sinh đột xuất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

b) Triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết Đại hội, Điều lệ, kế hoạch, chương trình, dự án:

- Cùng tập thể Thường trực giúp Ban Thường vụ triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Đảng ủy Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Cùng tập thể Thường trực chỉ đạo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; trực tiếp chỉ đạo Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xây dựng và phê duyệt các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp có thẩm quyền liên quan đến phát triển kinh tế tập thể; nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Đảng ủy Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Ban hành văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện và phối hợp với các bộ, ban, ngành và tổ chức đoàn thể trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương cấp tỉnh, văn phòng, các ban chuyên môn, pháp nhân trực thuộc triển khai Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Đảng ủy Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, dịch vụ công và các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế tập thể.

c) Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ:

- Phân công nhiệm vụ các Phó Chủ tịch theo quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Cùng tập thể Thường trực chỉ đạo xây dựng đề án trình Ban Thường vụ về công tác tổ chức, cán bộ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Quy định hoặc phê duyệt về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, điều lệ, quy chế làm việc của văn phòng, các ban chuyên môn, pháp nhân trực thuộc Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định;

- Ban hành quy chế làm việc, quy chế thi đua, khen thưởng; quy chế quản lý tài sản, tài chính Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các quy định, quy chế khác của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Ban hành quy chế, quyết định hoặc phân cấp quyết định việc quản lý, sử dụng, tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đình chỉ công tác, đào tạo, bồi dưỡng, chế độ chính sách tiền lương, tiền công và các chế độ chính sách và các nội dung khác theo thẩm quyền đối với lãnh đạo, người làm việc, người lao động thuộc Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định;

- Tổ chức, quản lý văn phòng, các ban chuyên môn và pháp nhân trực thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Quyết định thành lập hội đồng tư vấn, hội đồng thẩm định, Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Ban quản lý và các tổ chức khác thuộc thẩm quyền;

- Quyết định phân bổ biên chế, phê duyệt vị trí việc làm đối với văn phòng, các ban chuyên môn; cho ý kiến về số lượng người làm việc, vị trí việc làm đối với các pháp nhân trực thuộc;

- Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách các tổ chức trực thuộc Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo chủ trương của Ban Thường vụ, Đảng uỷ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Quyết định cử cán bộ đi công tác; kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện Điều lệ, chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã; giải trình, trả lời chất vấn, trả lời kiến nghị của cơ quan, tổ chức, địa phương, cử tri, người dân, doanh nghiệp và thành viên; họp báo; tiếp công dân và các hình thức giải quyết công việc khác;

d) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản:

- Quyết định việc huy động, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước và kinh phí ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật; huy động nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển kinh tế tập thể và hoạt

động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật và quy định, quy chế của Ban Chấp hành;

- Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Xây dựng kế hoạch hằng năm về chương trình công tác:

Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, quyết định chương trình, kế hoạch hoạt động của Thường trực và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Ban hành kế hoạch, chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế có liên quan về kinh tế tập thể của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

f) Đại diện cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

g) Triệu tập các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; triệu tập và quyết định các vấn đề, nội dung đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực;

h) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

i) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch; thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, Thủ trưởng Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc uỷ quyền Phó Chủ tịch ký các văn bản thẩm quyền của Chủ tịch;

j) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc được uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch;

k) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Đảng uỷ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Phó Chủ tịch bao gồm Phó Chủ tịch chuyên trách và Phó Chủ tịch không chuyên trách.

Số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách không quá 03 người, Phó Chủ tịch không chuyên trách không quá 01 người.

5. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Thường vụ.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện Phó Chủ tịch chuyên trách:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hoạt động;
- Có quốc tịch Việt Nam;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Phó Chủ tịch quá 02 tổ chức hội;
- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Nhân sự dự kiến Phó Chủ tịch là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Các điều kiện khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

7. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật.

8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch vi phạm pháp luật, Điều lệ, làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc phân công người điều hành hoạt động trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch.

9. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; thời hạn đình chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Ban Chấp hành quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch.

Điều 21. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Thường vụ. Tổng Thư ký chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Thư ký trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Thư ký:

a) Giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam điều phối hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Văn phòng, các ban chuyên môn, pháp nhân trực thuộc Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; phối hợp Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phân công;

b) Chỉ đạo Văn phòng phối hợp các ban chuyên môn, pháp nhân trực thuộc báo cáo Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; lập báo cáo hằng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ban Chấp hành theo Điều lệ và quy định;

c) Giúp Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ đạo tham mưu và thực hiện chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Thường vụ; giúp Ban Thường vụ chỉ đạo tham mưu và thực hiện chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phân công;

3. Khi Tổng Thư ký vắng mặt, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phân công một Phó Chủ tịch chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc.

Điều 22. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức thường trực của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được sử dụng con dấu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc.

2. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng Thư ký, văn phòng, các ban chuyên môn, các pháp nhân trực thuộc. Tập thể lãnh đạo Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách. Chủ tịch là Thủ trưởng và chủ tài khoản Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Văn phòng là đơn vị dự toán cấp III, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế làm

việc. Quy chế làm việc của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành, bảo đảm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phù hợp các quy định pháp luật hiện hành.

3. Phó Chủ tịch chuyên trách là Phó Thủ trưởng Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Cơ quan theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực phụ trách, công việc nhiệm vụ được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền; ký các văn bản thuộc các lĩnh vực được Chủ tịch phân công phụ trách hoặc được Chủ tịch giao. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế làm việc và quy định của pháp luật.

4. Văn phòng, các ban chuyên môn làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo quy chế làm việc do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy định; quy chế tổ chức và hoạt động hoặc điều lệ của pháp nhân trực thuộc do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc cấp có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt. Người đứng đầu Văn phòng, các ban chuyên môn, pháp nhân trực thuộc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị, pháp nhân trực thuộc.

5. Tài sản, tài chính của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được hình thành từ nguồn gốc, nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật và quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

6. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. Người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức và thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh

1. Tổ chức bộ máy của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh, bao gồm: Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, Thường trực (nếu có), Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã.

2. Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh

a) Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc tổ chức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu thành viên do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh quyết định;

b) Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; thảo luận, đóng góp ý kiến vào văn kiện của Đại hội Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Điều lệ (sửa đổi), bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh bầu trong số các uỷ viên Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành bầu. Trưởng ban, Phó trưởng Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã do Ban Chấp hành bầu. Trưởng ban Kiểm tra là uỷ viên Ban Thường vụ. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Việc bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban, Phó trưởng ban, uỷ viên Ban Kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh quyết định. Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành cấp tỉnh ban hành, phù hợp với quy định do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành và quy chế làm việc của Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam kết quả bầu uỷ viên Ban Chấp hành, uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, uỷ viên Ban Kiểm tra, Trưởng ban, các Phó trưởng Ban Kiểm tra.

6. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

7. Cơ quan Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh, bao gồm:

- a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- b) Văn phòng, các phòng chuyên môn;
- c) Các pháp nhân trực thuộc.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ

Điều 24. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các quy định của cấp có thẩm quyền, pháp luật có liên quan. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 25. Thu hồi con dấu

Việc thu hồi con dấu khi Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đổi tên, bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 26. Tài chính, tài sản

1. Tài chính:

a) Nguồn thu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

- Hội phí hằng năm của thành viên;
- Thu từ các hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện;
- Chi thuê, sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc đối với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với thành viên, nguyên thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, người làm việc, người lao động theo quy định của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng cho người làm việc, người lao động trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

- Các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

c) Nguồn thu của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

- Thu từ các hoạt động theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

d) Các khoản chi của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng, các ban chuyên môn Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao do Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện;
- Chi thuê, sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc đối với Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc, người lao động của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng cho người làm việc, người lao động của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Các khoản chi khác theo quy định của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và quy định hiện hành.

2. Tài sản:

a) Tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

Việc quản lý, sử dụng tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của cấp có thẩm quyền;

Khi chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công và các quy định của cấp có thẩm quyền;

- Đối với tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được hình thành từ nguồn tự có của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và quy chế do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành.

b) Tài sản của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bao gồm quyền tài sản, đất đai; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai; tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng; tài sản khác theo quy định của pháp luật và tài sản được hình thành từ nguồn thu hợp pháp của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

Việc quản lý, sử dụng tài sản của Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế do Thủ trưởng Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành.

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản:

- a) Tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định;

- b) Tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan;

- c) Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Hàng năm, Ban Thường vụ báo cáo Ban Chấp hành việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam từ các hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

- a) Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan;

- Mở sổ kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản và lưu trữ chứng từ có liên quan (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập và cơ quan tài chính cùng cấp;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ công khai tài chính trong nội bộ; thực hiện quyết toán và công khai tài chính theo quy định; thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo quy định đối với hoạt động kinh tế, dịch vụ.

Điều 28. Giải quyết tài sản, tài chính khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể

1. Tài sản, tài chính khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản, tài chính có nguồn gốc ngân sách nhà nước hoặc được Nhà nước giao được xử lý theo quy định pháp luật về tài sản công, ngân sách; tài sản của các dự án, tài trợ có điều kiện thì thực hiện theo thỏa thuận hoặc hướng dẫn của nhà tài trợ. Ban Thương vụ quyết định phương án và tổ chức thực hiện theo thủ tục cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 29. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế tập thể được khen thưởng hoặc được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của pháp luật và Điều lệ; bảo đảm công khai tiêu chí, quy trình xét duyệt, khách quan, minh bạch; khen thưởng gắn kinh phí, hiện vật thực hiện theo quy định tài chính và quy chế nội bộ.

Điều 30. Kỷ luật

1. Tổ chức trực thuộc, thành viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế làm việc, hoạt động thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, khai trừ, miễn nhiệm, bãi nhiệm và các hình thức khác theo quy định pháp luật.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Việc khiếu nại về hình thức kỷ luật phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định của Ban Chấp hành về hình thức, thẩm quyền, thủ tục xem xét khiếu nại, giải quyết khiếu nại.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

2. Điều lệ phải được hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập phê duyệt.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm 8 Chương, 32 Điều đã được Đại hội đại biểu Liên minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2026 - 2031 thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Điều lệ này được phê duyệt, Liên

minh Hợp tác xã Việt Nam có trách nhiệm ban hành các văn bản thay thế các văn bản, quy định để phù hợp với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện, trình phê duyệt Điều lệ cấp tỉnh phù hợp với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh được xây dựng theo Điều lệ mẫu do Chính phủ quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và không trái với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp thì thực hiện rà soát, điều chỉnh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ này.

5. Ban Chấp hành có trách nhiệm hướng dẫn Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh và thành viên thực hiện Điều lệ này./.